**VECTOR**

Khai báo vector:

#include<vector>

using namespace std;

Cách 1: vector<kiểu dữ liệu> name;

Cách 2: vector<kiểu dữ liệu> name(size);

Cách 3: vector<kiểu dữ liệu> vectorA(vectorB);

Chèn

* + vt.insert(pos, value); //chèn value vào vị trí pos

Xóa phần tử

* + Cách 1: vt.pop\_back(); //xóa phần tử cuối của vector
  + Cách 2: vt.erase(pos); //xóa 1 phần tử ở vị trí pos
  + Cách 3: vt.erase(first , last); //xóa phần tử từ vị trí first tới last
  + Cách 4: vt.clear(); //xóa tất cả phần tử trong vector

Để thêm một phần tử vào vị trí sau cùng của vector:

A.push\_back(name\_of\_element);

Để bỏ đi phần tử cuối cùng của vector:

A.pop\_back();

Để bỏ đi tất cả các phần tử của vector:

A.clear();

Để lấy ra phần tử đầu tiên của vector:

A.front();

Để lấy ra phần tử cuối cùng của vector:

A.back();

Để lấy ra phần tử vị trí thứ n của vector (đếm từ 0):

A.at(n);

Để biết số lượng phần tử của vector:

A.size();

Để biết vector có phần tử hay không:

A.empty();

Để sắp xếp tăng dần:

sort(A.begin(), A.end());

Để sắp xếp giảm dần:

sort(A.begin(), A.end(), greater<long long>());

đảo ngược reverse(vt.begin(), vt.end());